TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Chau Cương;
Ông Phạm Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hoàng Phong – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 8, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 08 tháng 02 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày: bà và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 8 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Khoảng tháng 2 năm 2017 kể từ khi anh Q theo đi ghe biển, mỗi lần về thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh Q thường xuyên đánh tôi, dẫn đến bất đồng quan điểm.

Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: tên Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2006. Hiện con do tôi nuôi dưỡng, tôi yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

- Đối với ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Q vắng mặt, nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 28-5-2018 Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thúy K: sau khi cha mẹ ly hôn, có nguyện vọng được sống với mẹ Trần Thị D.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Q vắng mặt. Nguyên đơn bà Trần Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa bà D và ông Q không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị D. Về con chung tiếp tục giao cho bà Trần Thị D nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thúy K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà D và ông Q chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 8 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 06 tháng 4 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn, thì thấy rằng giữa bà D và ông Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xảy ra xô xát với nhau, đến tháng 2 năm 2017 thì cả hai không còn chung sống với nhau. Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị D xin ly hôn là có căn cứ.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

- Về quan hệ con chung: bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn Q có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2006, bà Trần Thị D yêu cầu quyền nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy bà D là người trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng không còn sống chung và em Thúy K có nguyện vọng được sống với mẹ. Nên cần giao con cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp điều kiện học tập và để không làm thay đổi hoàn cảnh thích ứng của em. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Bà Trần Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Q thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà D khai không có.

[3] Về án phí: bà D khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q .

- Về con chung: Bà Trần Thị D được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2006. Ông Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Q thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà D khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004056 ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà D đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7

luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

Võ Thị Ngọc Mỹ